

Bản án số: 82/2020/HSPT
Ngày 26/02/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hồng P;
- Các Thẩm phán: + Bà Đào Thị Minh T;
+ Bà Nguyễn Thị Thanh X.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thanh H, Thư ký của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang H - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26/02/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh N, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 626/2019/TLPths ngày 15/8/2019 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2019/HSST ngày 01/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh N.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/10/1973 tại huyện Y, tỉnh N; địa chỉ cư trú tại Xóm 1, xã B, huyện Y, tỉnh N; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa phổ thông: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1934; vợ là Phạm Thị T, sinh năm 1972 và có 10 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/7/2018; có mặt tại phiên tòa.

2. Lữ Văn H; sinh ngày 10/10/1984; địa chỉ cư trú tại bản Bò, xã T, huyện Q, tỉnh N; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa phổ thông: 7/12; dân tộc: Thái; con ông Lữ Văn Vinh và bà Vi Thị Châm; vợ là Lữ Thị Dần, sinh năm 1983 và có 03 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/7/2018; có mặt tại phiên tòa.

3. Hồ Sỹ L, sinh ngày 15/03/1975 tại huyện Y, tỉnh N; địa chỉ cư trú tại Xóm 8, xã B, huyện Y, tỉnh N; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa phổ thông: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Sỹ V, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1952; vợ là Hoàng Thị Kiều O, sinh năm 1975 và có 02 con, con lớn sinh năm

1997, con nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/7/2018; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa:

(1) Bà Lâm Thị Thanh H là Luật sư của Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn luật sư tỉnh N bào chữa bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Văn T, có mặt tại phiên tòa;

(2) Bà Trần Thị T là Luật sư của Công ty luật T thuộc Đoàn luật sư tỉnh N bào chữa bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị cáo Hồ Sỹ L, có mặt tại phiên tòa;

(3) Bà Phan Thị T là Luật sư của Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn luật sư tỉnh N bào chữa bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị cáo Lữ Văn H, có mặt tại phiên tòa;

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ 00 phút, ngày 03/7/2018 trên đường Quốc lộ 48 thuộc địa phận xã N, huyện N, tỉnh N, Tổ công tác của Công an huyện N phối hợp các đơn vị chức năng phát hiện và bắt quả tang Nguyễn Văn T, sinh năm 1973 và Hồ Sỹ L, sinh năm 1975 đều trú tại xã B, huyện Y, tỉnh N đi trên xe ô tô nhãn hiệu Kia Rio Biển kiểm soát 37A-390.70; phát hiện, thu giữ dưới sàn xe tại vị trí ghế ngồi bên pH phía trước của Nguyễn Văn T 01 túi nilông màu đen bên trong có 03 bánh chất bột màu trắng (nghỉ là heroine), 01 túi nilông đựng chất tinh thể màu trắng (nghỉ là ma túy dạng đá), 01 túi nilông đựng nhiều viên nén (nghỉ là ma túy dạng hồng phiến). Nguyễn Văn T khai nhận đó là ma túy T mua của Lữ Văn H ở xã T, huyện Q, tỉnh N giá 520.000.000 đồng về bán cho một người tên L ở Thành phố Hồ Chí Minh để kiếm lời. Hồ Sỹ L khai nhận chở T đi huyện Q để mua ma túy.

Ngày 16/7/2018, Lữ Văn H đến cơ quan điều tra Công an huyện N, tỉnh N đầu thú và khai báo T bộ về hành vi mua bán trái phép chất ma túy của mình.

Tại Kết luận giám định số 926/KL-PC54(MT) ngày 06/7/2018, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N kết luận: 03 bánh chất bột màu trắng thu giữ của Nguyễn Văn T và Hồ Sỹ L là ma túy loại heroine có tổng khối lượng 1.050 gam; các hạt tinh thể màu trắng thu giữ của Nguyễn Văn T và Hồ Sỹ L là ma túy Methamphetamine có khối lượng 999 gam; các viên nén màu hồng và màu xanh thu giữ của Nguyễn Văn T và Hồ Sỹ L là ma túy Methamphetamine có khối lượng 18 gam.

Quá trình điều tra hành vi phạm tội của Nguyễn Văn T, Hồ Sỹ L và Lữ Văn H xác định được như sau:

Vào khoảng cuối năm 2017, Nguyễn Văn T quen biết Lữ Văn H trú ở bản Bò, xã T, huyện Q, tỉnh N. Vào khoảng tháng 5/2018, Nguyễn Văn T đi làm

công ở tỉnh L thì gặp một người tên là L quê ở huyện Y, tỉnh N, trú tại Thành phố H và không biết lai lịch địa chỉ cụ thể, L đặt vấn đề với T về N mua ma túy đưa vào S bán kiếm lời. T nói với L không có tiền mua ma túy thì L nói cho T ứng trước tiền để mua ma túy bán lại cho L, T đồng ý. Sau đó T về quê gặp Lữ Văn H đặt vấn đề với H mua ma túy cho T thì H đồng ý. T và H đến nhà một người thanh niên dân tộc ở bản D2, xã T, huyện Q (theo H khai người đó có tên là Thông M, còn T không biết tên, địa chỉ cụ thể) trao đổi mua bán ma túy, cả ba người thống nhất khi nào T đưa tiền lên thị trấn Q thì H đến gặp T nhận tiền và giao cho Thông M rồi nhận ma túy từ Thông M đưa xuống thị trấn Q giao cho T, giá bán 01 bánh hêrôin là 125.000.000 đồng và 01 kg ma túy đá là 150.000.000 đồng.

Trong thời gian từ tháng 5 đến tháng 7 năm 2018, Nguyễn Văn T, Lữ Văn H và Hồ Sỹ L đã thực hiện 03 lần mua bán trái phép chất ma túy, cụ thể từng lần như sau:

Lần thứ nhất: Vào cuối tháng 5/2018 (không nhớ ngày cụ thể), L giao cho một người thanh niên (không rõ lai lịch địa chỉ) đưa cho T số tiền 360.000.000 đồng tại cây xăng xã D, huyện D, tỉnh N. L nói với T mua “hai ký cà phê, một ít nước, một ít giá” (T biết rõ “cà phê” là heroine, “nước” là ma túy đá, “giá” là ma túy hồng phiến). T nhận tiền xong, đến ngày hôm sau T bắt xe khách đi lên thị trấn Kim Sơn, huyện Q gọi điện cho H đến gặp tại một quán ăn gần bệnh viện huyện Q, tại đó T giao cho H 360.000.000 đồng H lấy 10.000.000 đồng tiền công, T nói H mua 02 bánh hêrôin, một ít ma túy đá và ma túy hồng phiến. H nhận tiền xong về giao cho Thông M. Thông M điện thoại cho T hẹn hai hôm sau lên nhận “hàng” (ma túy) nên T bắt xe khách quay về. Khi về đến ngã ba D, T gọi điện cho Hồ Sỹ L, sinh năm 1975, trú tại xã B, huyện Y, N đến đón T về nhà. Khoảng hai ngày sau Thông M gọi điện báo cho T biết đã có ma túy. T gọi điện nói với Hồ Sỹ L chở T lên Q để mua ma túy, L đồng ý. Khoảng 07 giờ sáng (không nhớ ngày) L điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Kia Rio BKS 37A.390.70 (xe của Hồ Sỹ Đ con trai của L) chở T lên thị trấn K, huyện Q. Trên đường đi T gọi điện cho H nói H đưa ma túy xuống thị trấn Q giao cho T. H đến nhà Thông M nhận một túi nilông màu đen đựng 02 bánh heroine, một ít ma túy đá và một ít ma túy hồng phiến. H đi xe máy BKS 37X5-2684 xuống thị trấn Kim Sơn, Q gặp xe ô tô của T và L đang đậu bên lề đường quốc lộ 48. H đi đến bên pH xe ô tô, lúc này L ngồi ở ghế lái, T ngồi ở ghế phụ phía trước. L bảo T hạ cửa kính xe ô tô cho T nhận một túi nilông màu đen đựng ma túy. T nhận túi ma túy xong để xuống sàn xe ở chân mình, sau đó L chở T đi về xã B, huyện Y. Khi về nhà T cất giấu ngoài vườn. Khoảng hai ngày sau, T bắt xe khách đưa ma túy vào Thành Phố Hồ Chí Minh giao cho L, L trả cho T 60.000.000 đồng. Ngày hôm sau T quay về N trả tiền công cho L 2.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào khoảng giữa tháng 6/2018 (không rõ ngày) L tiếp tục gọi điện cho T nói mua 03 bánh hêrôin, 01 kg ma túy đá, L giao người thanh niên (không rõ lai lịch) đến cây xăng xã D, huyện D đưa cho T 330.000.000 đồng. L nói với T trả nợ cho L số tiền T vay của L trước đó là 195.000.000 đồng góp vào cho đủ 525.000.000 đồng để mua 03 bánh heroin và 01 kg ma túy đá, L dặn T khi mua ma túy thì bớt đi 5.000.000 đồng (số tiền này L cho T). T mang 520.000.000 đồng rồi đến quán nước nhà L và nói với L chở T đi Q để mua ma túy. Khoảng 06 giờ sáng ngày hôm sau, L tiếp tục điều khiển xe ô tô Biển kiểm soát 37A-390.70 chở T đi lên huyện Q. Khi đến thị trấn Kim Sơn, Q, T gọi điện cho H thì H nói đang bận việc nên T nói L chở T đi theo Quốc lộ 48 đi lên chợ xã T, huyện Q. Tại đây T và L vào quán ăn phở, T gọi điện cho người thanh niên tên Thông M đến gặp T tại quán ăn. Ăn xong Thông M đi xe máy chở T về nhà Thông M, còn L ở lại chờ T. Tại nhà Thông M, T gọi điện cho H đến để trao đổi việc mua bán ma túy. T giao cho H số tiền 520.000.000 đồng để mua 03 bánh heroine và 01 kg ma túy đá, H lấy 15.000.000 đồng. Sau đó H giao tiền cho Thông M, giao tiền xong H nói T đi xuống thị trấn Q chờ H để nhận ma túy. T ngồi xe máy của một người thanh niên quay lại chợ T gặp L. L chở T đi về thị trấn Kim Sơn chờ H giao ma túy. Khoảng 15 giờ cùng ngày H đi xe máy đến nhà Thông M nhận một túi nilông màu đen bên trong đựng 03 bánh hêrôin và 01 kg ma túy đá đưa xuống thị trấn Kim Sơn, huyện Q giao cho T. Khi đến thị trấn Kim Sơn, Q, H gặp T và L đang đậu xe bên đường Quốc lộ 48, H đến giao ma túy cho T qua cửa kính xe ô tô, rồi quay về. T nhận túi ma túy để dưới sàn xe nơi ghế phụ phía trước chỗ T ngồi. L lái xe chở T về xã B, huyện Y. Khi đến cây xăng xã Công Thành thì T trả cho L 5.000.000 đồng tiền công và T cho L vay thêm 5.000.000 đồng. T đưa ma túy về nhà cất dấu, đến sáng ngày hôm sau L nói T đưa ma túy xuống cây xăng xã D, huyện D giao ma túy cho người thanh niên trước đó đã giao tiền cho T. Nhận ma túy xong người thanh niên này đưa cho T 40.000.000 đồng do L trả cho T.

Lần thứ ba: Vào cuối tháng 6/2018, L tiếp tục gọi điện cho T đến xã D, huyện D, tỉnh N để nhận tiền mua ma túy đưa vào Thành Phố Hồ Chí Minh bán kiếm lời. Đến ngày 30/6/2018, L nói T đến gặp một người thanh niên (T không rõ lai lịch) tại cây xăng xã D, huyện D nhận số tiền 525.000.000 đồng mua 03 bánh heroine, 01 kg ma túy đá và nói người bán ma túy khuyên mãi thêm một gói ma túy hồng phiến cho L. L nói với T “hàng” (ma túy) lần trước chất lượng kém nên khi mua thì bớt đi 5.000.000 đồng (số tiền này L cho T). L và T chưa hẹn địa điểm giao nhận ma túy nhưng thống nhất nếu giao ma túy tại huyện D, tỉnh N thì L trả cho T 40.000.000 đồng, nếu giao ma túy tại Thành Phố Hồ Chí Minh thì L trả cho T 60.000.000 đồng. Nhận tiền xong, T về nhà lấy ra 5.000.000 đồng còn 520.000.000 đồng T bỏ vào túi nilông màu đen. T gọi điện cho H đặt mua 03 bánh heroine, 01 kg ma túy đá và nói H khuyên mãi thêm 01

gói ma túy hồng phiến, hẹn địa điểm giao nhận tiền và ma túy tại huyện Q. Đến khoảng 08 giờ ngày 03/7/2018, T tiếp tục gọi điện cho L chở T đi lên huyện Q mua ma túy, T sẽ trả cho L 5.000.000 đồng. L đang bận nên hẹn T đến 10 giờ cùng ngày mới đi được, T đồng ý. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, L dùng xe ô tô Biển kiểm soát 37A-390.70 chở T đi lên huyện Q. Khi lên xe ô tô của L, T bỏ túi nilông đựng tiền ở trên đầu xe trước mặt T ngồi, L hỏi túi gì thì T nói túi tiền, L nói cất vào cốp xe cho gọn, T bỏ tiền vào cốp xe ô tô phía trước. Trên đường đi T gọi điện cho H xác nhận lại số lượng ma túy và số tiền như đã thỏa thuận trước đó. Khi đến thị trấn K, huyện Q, T gọi điện cho H đến nhận tiền nhưng H nói đang bận việc, nên T và L thuê phòng 204 nhà nghỉ Bảo Châu để nghỉ và chờ H. Khoảng 15 giờ cùng ngày, H đến nhà nghỉ Bảo Châu vào phòng 204 gặp T và L. Tại đây T đưa túi nilông màu đen đựng tiền cho H xem và nói tiền đủ 520.000.000 đồng không pH đếm, H lấy ra 15.000.000 đồng rồi cầm túi tiền bỏ vào trong mũ bảo hiểm ra về. H đến nhà Thông M đưa tiền cho Thông M, Thông M nói H ngồi chờ để Thông M đi lấy ma túy. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày Thông M đưa về cho H 01 túi nilông màu đen bên trong đựng 03 bánh heroine, 01 kg ma túy đá và 01 gói ma túy hồng phiến. H cột túi nilông đựng ma túy sau yên xe máy rồi đi xuống thị trấn Kim Sơn, huyện Q gặp T và L đang đậu xe bên đường quốc lộ 48, H đến bên cửa phụ phía trước xe đưa qua cửa kính xe ô tô cho T một túi nilông màu đen đựng ma túy, T cầm túi ma túy để dưới sàn xe nơi T ngồi. Sau khi nhận ma túy xong, L điều khiển xe ô tô chở T theo đường Quốc lộ 48 đi về huyện Y. Đến 22 giờ 00 phút ngày 03/7/2018, khi đi đến địa phận xã N, huyện N, tỉnh N thì bị Tổ công tác của Công an huyện N ra tín hiệu dừng xe kiểm tra. L không chấp hành hiệu lệnh dừng xe nên bị Tổ công tác đập vỡ kính chắn gió phía trước xe ô tô 37A-390.70 để bắt giữ T và L. Tổ công tác kiểm tra và thu giữ tại vị trí ghế phụ phía trước dưới chân Nguyễn Văn T đang ngồi 1 túi nilông màu đen, bên trong có 03 bánh chất bột màu trắng (nghĩ là hêrôin), 01 gói nilông bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (nghĩ ma túy dạng đá), 01 gói nilông chứa nhiều viên nén (nghĩ là ma túy dạng hồng phiến). Sau đó ngày 16/7/2018, Lữ Văn H đến Cơ quan điều tra Công an huyện N đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2019/HSST ngày 01/7/2019, Tòa án nhân dân tỉnh N đã xử:

Áp dụng điểm h khoản 4 điều 251; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 40 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T: Tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn T để bảo đảm thi hành án.

Áp dụng điểm h khoản 4 điều 251; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 40 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lữ Minh

H: Tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

Áp dụng điểm h khoản 4 điều 251; điểm r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Sỹ L 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/7/2018.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/7/2019, bị cáo Lữ Minh H kháng cáo; ngày 12/7/2019, bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo; ngày 14/7/2019, bị cáo Hồ Sỹ L kháng cáo; đơn kháng cáo của các bị cáo đều đề nghị được Tòa án cấp phúc thẩm quyết định giảm hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, T diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, ý kiến tranh luận của các bị cáo, các luật sư và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù các bị cáo Nguyễn Văn T và Hồ Sỹ L không thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã quy kết; bị cáo Nguyễn Văn T chỉ thừa nhận về thời gian, địa điểm, cách thức, nội dung giao tiền, nhận hàng, số tiền nhận để giao cho Hồ Sỹ H và số tiền công được trả đúng như Nguyễn Văn T đã khai tại cơ quan điều tra song không thừa nhận biết hàng nhận từ H và giao cho L là ma túy và bị cáo L có biết hàng là ma túy hay không thì T không biết. Việc trao đổi về số tiền và số hàng là do H và L trao đổi, bị cáo T chỉ biết nhận tiền giao cho H và nhận hàng từ H giao cho L. Tuy nhiên, căn cứ vào Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 03/7/2018 và lời khai của Lữ Văn H trong suốt quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm cho thấy rất phù hợp với lời khai, các bản tự khai và biên bản hỏi cung của bị cáo Nguyễn Văn T, Hồ Sỹ L tại cơ quan điều tra; một số biên bản lấy lời khai còn có sự chứng kiến của Kiểm sát viên và có các Luật sư tham gia lấy lời khai; phù hợp với vật chứng thu giữ được khi bị bắt quả tang; ngoài ra còn phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác được thu thập trong quá trình điều tra như biên bản kiểm tra điện thoại ngày 16/8/2018, ngày 23/6/2018; các cuộc điện thoại giao dịch giữa số điện thoại của T và H; các tin nhắn trong các máy điện thoại thu giữ được, đáng lưu ý, khi bị Công an phát hiện, yêu cầu mở cửa xe để kiểm tra, Hồ Sỹ L không chấp hành, buộc Công an đã phá đập vỡ kính chắn gió xe ô tô mới bắt giữ được T và L cùng 03 bánh Hêrôin, 01 kg ma túy đá và một gói ma túy

hồng phiến (đều là Methamphetamine) có tổng khối lượng là 1.017 gam. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ căn cứ kết luận:

Trong khoảng thời từ tháng 5/2018 đến ngày 03/7/2018, Nguyễn Văn T, Lữ Văn H và Hồ Sỹ L đã 03 lần tham gia giao dịch mua bán trái phép chất ma túy, Hồ Sỹ L mặc dù biết việc T đi mua ma túy để bán nhưng vẫn giúp sức cùng T đi giao dịch mua bán, sau đó vận chuyển về để T bán lại cho người khác nhằm mục đích hưởng lợi bất chính; các bị cáo đã thực hiện trót lọt hai lần, đến lần thứ ba khi đang vận chuyển về đến địa bàn huyện N, tỉnh N thì bị phát hiện, bắt giữ người cùng T bộ tang vật.

Hành vi nêu trên của các bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm quy kết về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điều 251 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, luật sư bào chữa cho các bị cáo cũng như các bị cáo cho rằng, quá trình bắt người phạm tội quả tang và quá trình điều tra có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, có dấu hiệu mớm cung, ép cung, không khách quan. Tuy nhiên, không có căn cứ để chứng minh thuyết phục. Thực tế, khi bắt người phạm tội quả tang, Công an huyện N đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, tại bản tự khai lần đầu ngày 03/7/2018, Hồ Sỹ L đã tự khai nhận chở T ba lần lên huyện Q mua ma túy và được trả tiền công 2 lần là 7.000.000 đồng, lần thứ ba chưa nhận được tiền công thì đã bị bắt; bị cáo T đến ngày 04/7/2018 mới viết bản tự khai về nội dung hành vi phạm tội. Như vậy, các nội dung bị cáo Hồ Sỹ L khai có trước khi bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Lữ Văn H khai và phù hợp với nội dung bản tự khai của bị cáo Hồ Sỹ L.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, khi bị bắt quả tang, Nguyễn Văn T và Hồ Sỹ L, cơ quan điều tra đã thu giữ 03 bánh hêrôin có khối lượng 1.050 gam, 01 gói ma túy Methamphetamine dạng tinh thể có khối lượng 999gam, 01 gói ma túy Methamphetamine dạng viên nén có khối lượng 18 gam. Tổng khối lượng các chất ma túy Nguyễn Văn T, Lữ Văn H, Hồ Sỹ L pH chịu trách nhiệm hình sự trong lần này là 1.050 gam hêrôin + 999 gam Methamphetamine + 18 gam Methamphetamine = 2.067 gam. Như vậy bình quân một bánh Hêrôin có khối lượng là 350 gam.

Từ khối lượng các chất ma túy khi bị bắt quả tang có căn cứ xác định khối lượng chất ma túy trong hai lần phạm tội trước đó của Nguyễn Văn T, Lữ Văn H và Hồ Sỹ L như sau:

Lần thứ nhất: Nguyễn Văn T, Lữ Văn H và Hồ Sỹ L thực hiện hành vi mua bán trái phép 02 bánh Hêrôine, một ít ma túy đá và ma túy hồng phiến, do không có căn cứ xác định một ít ma túy đá và một ít ma túy hồng phiến có khối lượng bao nhiêu nên chỉ có căn cứ xác định 02 bánh hêrôin có khối lượng là: 02 bánh hêrôin x 350 gam = 700 gam.

Lần thứ hai: Nguyễn Văn T, Lữ Văn H và Hồ Sỹ L thực hiện hành vi mua bán trái phép 03 bánh hêrôin và 01 kg ma túy đá tương đương lần phạm tội thứ

ba (bị bắt quả tang) do đó khối lượng các chất ma túy là: 1.050 gam Hêroine + 999 gam Methamphetamine = 2.049 gam.

Căn cứ vào Điều 4 Chương II của Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ “Quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật hình sự năm 2015”, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, tổng khối lượng của hai chất ma túy thu giữ của Nguyễn Văn T, Lữ Văn H và Hồ Sỹ L là 2.800 gam hêroine và 2.016 gam Methamphetamine, tổng cộng là 4.816 gam. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết, xét xử các bị cáo theo điểm h khoản 4 điều 251 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo xin được giảm hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất rất nghiêm trọng của vụ án, xác định đúng số lượng ma túy các bị cáo mua bán; đã phân hóa đúng vai trò của các bị cáo, theo đó xác định : Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Văn T là người giữ vai trò chính, là người chủ mưu, trực tiếp gặp đối tượng L và Lữ Văn H trao đổi bàn bạc thống nhất giá cả, số lượng mua bán chất ma túy, trực tiếp nhận tiền giao cho H để mua ma túy sau đó cùng Hồ Sỹ L đi nhận ma túy về bán kiếm lời. Đối với bị cáo Hồ Sỹ L, mặc dù biết Nguyễn Văn T mua bán trái phép chất ma túy nhưng do háms lợi nên vẫn giúp sức tích cực cho T bằng cách dùng xe ô tô chở T đi mua ma túy để hưởng "tiền công", mặc dù L không được trao đổi bàn bạc về giá cả, số lượng mua bán chất ma túy nhưng L biết và nhìn thấy việc T và H trao đổi, giao nhận tiền, ma túy, như vậy hành vi của L đã tạo điều kiện giúp cho T mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần, là đồng phạm với Nguyễn Văn T về hành vi mua bán trái phép chất ma túy với vai trò giúp sức, nên vai trò thấp hơn trong số đồng phạm. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như: Các bị cáo mua bán trái phép chất ma túy từ 02 lần trở lên; bị cáo Nguyễn Văn T đã tự thú, khai báo 02 hành vi phạm tội trước đó; các bị cáo đều có bố là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến...

Tuy nhiên, với những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này cũng không đáng kể, không làm thay đổi nhiều so với khối lượng ma túy các bị cáo mua bán trái phép là đặc biệt lớn (12.185,46 gam Methamphetamine), hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm nên việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định hình phạt Tử hình đối với bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Lữ Minh H; xử phạt 20 năm tù đối với bị cáo Hồ Sỹ L là có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm không thấy các bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới đáng kể, cho nên Hội đồng xét xử cũng đồng tình với nhận định của Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm,

đồng thời cũng phù hợp với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, theo hướng không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Các bị cáo có kháng cáo nhưng không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận, cho nên các bị cáo pH chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm; cụ thể:

1. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

1.1. Áp dụng điểm h khoản 4 điều 251; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 40 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** hình phạt **Tử hình** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn T để bảo đảm thi hành án.

1.2. Áp dụng điểm h khoản 4 điều 251; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 40 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Lữ Minh H** hình phạt **Tử hình** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tiếp tục tạm giam bị cáo Lữ Minh H để bảo đảm thi hành án.

1.3. Áp dụng điểm h khoản 4 điều 251; điểm r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Hồ Sỹ L 20 (hai mươi) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 03/7/2018.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày tuyên bản án phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Lữ Minh H được quyền làm đơn gửi lên Chủ tịch Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để xin ân giảm án tử hình.

3. Các bị cáo Nguyễn Văn T, Lữ Minh H và Hồ Sỹ L, mỗi bị cáo pH chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ 1);
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Công an tỉnh N;
- Trại tạm giam - CA tỉnh N;
- Các bị cáo (qua trại);
- Lưu: HSAV, Phòng HCTP-VP

Ngô Hồng P